

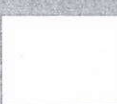
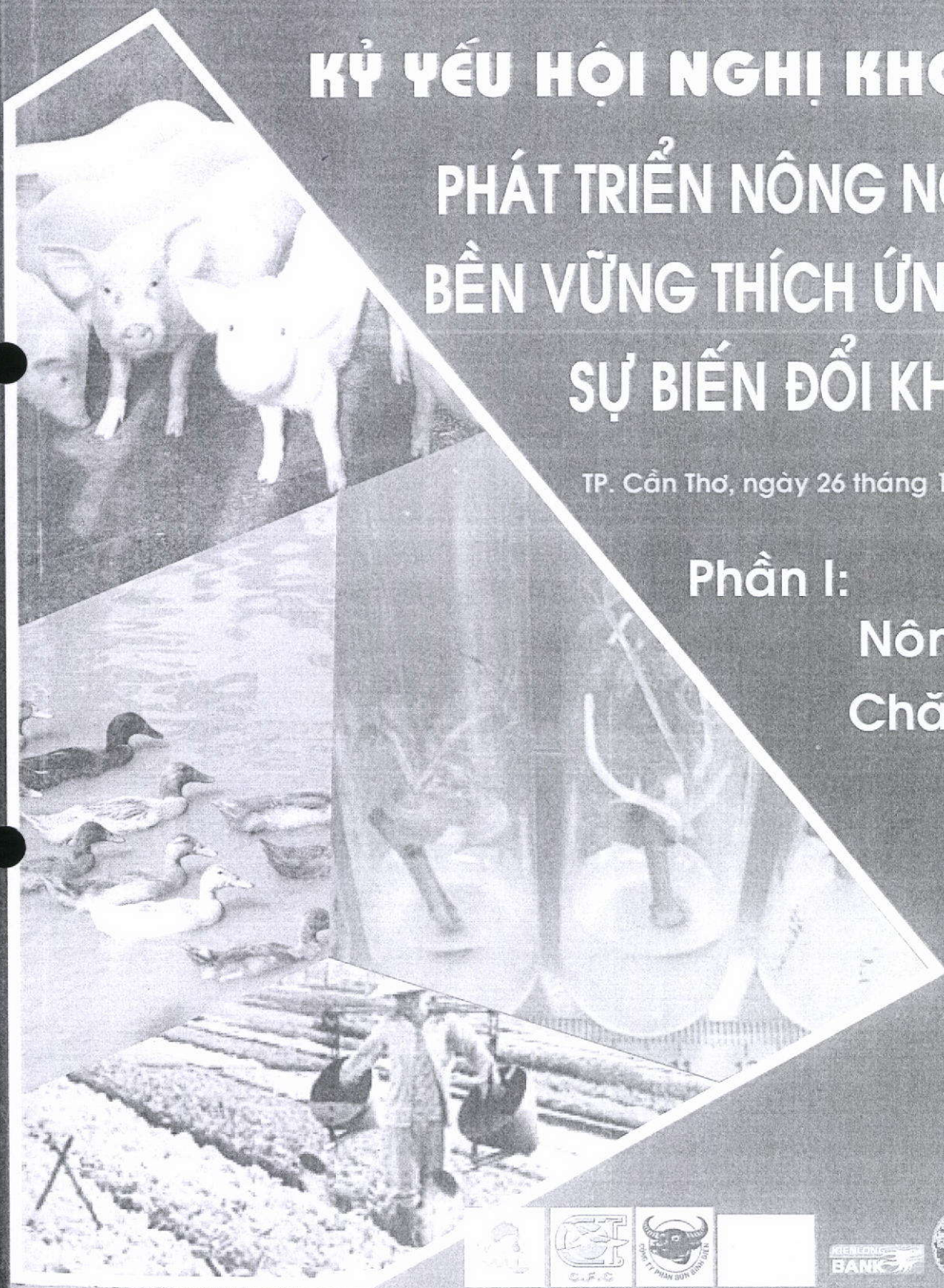


TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
CANTHO UNIVERSITY

KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG THÍCH ỨNG VỚI SỰ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

TP. Cần Thơ, ngày 26 tháng 11 năm 2010

Phần I:
Nông học
Chăn nuôi
Thú y



NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

52	Tình hình bệnh lở mồm long móng trên heo tại tỉnh Đồng Tháp từ năm 2006 đến năm 2009	Lưu Hữu Mạnh, Nguyễn Thu Tâm, Tiền Ngọc Hân, Nguyễn Nhật Xuân Dung, Võ Bé Hiền, Phan Vũ Anh	412
53	Tình hình bệnh lở mồm long móng trên heo tại thành phố Cần Thơ từ năm 2006 đến năm 2009	Lưu Hữu Mạnh, Chương Thị Cẩm Vân, Nguyễn Thu Tâm, Nguyễn Nhật Xuân Dung, Trần Minh Tánh	417
54	Rau muống nước (<i>Ipomoea aquatica</i>) được sử dụng trong khẩu phần nuôi dưỡng heo thịt ở Đồng bằng sông Cửu Long	Lê Thị Mến và Võ Văn Sơn	424
55	Hoạt tính kháng khuẩn của một số cây thuốc nam ở Đồng bằng sông Cửu Long	Huỳnh Kim Diệu	432
56	Phát triển đồng cỏ trên đồng ruộng ngập nước	Nguyễn Văn Hón, Nguyễn Thị Hồng Nhân	440
57	Tình hình nhiễm vi khuẩn <i>Salmonella enteritidis</i> và <i>Salmonella typhimurium</i> trên thịt và trứng gà tại các chợ và siêu thị thuộc quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thu Tâm	447
58	Nghiên cứu sử dụng cúc đại (<i>Wedelia trilobata</i>) làm nguồn thức ăn trong chăn nuôi thỏ lai sinh sản ở Đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Thị Vĩnh Châu và Nguyễn Thị Kim Đông	456
59	Nghiên cứu sử dụng cúc đại (<i>Wedelia trilobata</i>) làm nguồn thức ăn trong chăn nuôi thỏ lai tăng trưởng ở Đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Thị Vĩnh Châu và Nguyễn Thị Kim Đông	463
60	Đánh giá ảnh hưởng của thức ăn và phương pháp cho ăn lên sinh trưởng và các bệnh rối loạn trao đổi chất trên gà thịt	Nguyễn Nhật Xuân Dung, Lê Thanh Phương, Lưu Hữu Mạnh, Nguyễn Thị Hồng Lụa, Võ Thị Loan, Nguyễn Minh Toàn	470
61	Đánh giá hiệu quả mô hình nuôi heo trên nền chuồng sinh thái	Nguyễn Nhật Xuân Dung, Lưu Hữu Mạnh, Nguyễn Thanh Phi Long	481
62	Nghiên cứu tương quan giữa thành phần hóa học với các giá trị năng lượng theo hệ thống nhiệt năng của một số loại thức ăn gia súc nhai lại ở Đồng bằng sông Cửu Long	Nguyễn Nhật Xuân Dung, Lưu Hữu Mạnh, Phạm Lê Tâm	489
63	Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật <i>in vitro</i> để xác định tỉ lệ tiêu hoá chất hữu cơ và ước tính năng lượng trao đổi của thức ăn cho bò ở ĐBSCL	Danh Mô và Nguyễn Văn Thu	498
64	Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật <i>in sacco</i> và <i>in vitro</i> để đánh giá tỉ lệ tiêu hoá các khẩu phần của trâu ở ĐBSCL	Danh Mô và Nguyễn Văn Thu	507
65	Điều tra về hiện trạng chăn nuôi, đặc điểm sinh trưởng và sinh sản của cừu nuôi ở ĐBSCL	Nguyễn Văn Thu	515
66	Ảnh hưởng của bổ sung bã đậu nành vào khẩu phần rau lang lên khả năng tận dụng thức ăn, tăng trọng và sự tiêu hoá đường chất của thỏ lai	Nguyễn Văn Thu và Nguyễn Thị Kim Đông	524

TÌNH HÌNH BỆNH LỞ MÒM LONG MÓNG TRÊN HEO TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2009

Lưu Hữu Mạnh¹, Chương Thị Cẩm Vân², Nguyễn Thu Tâm¹,
Nguyễn Nhật Xuân Dung³, Trần Minh Tánh¹

ABSTRACT

Situation of foot and mouth disease in pig in Can Tho City from 2006 to 2009 showed that: the average vaccination rate was 40.75%, vary from 46.73%, 58.05%, 27.65% and 30.55% for year 2006, 2007, 2008 and 2009 respectively. The diseases was found in year 2006 and 2007 with the infection rate were 0.85% and 0.27% respectively. There was no infection in year 2008 and 2009. The rate of animal died was 13.73% for year 2006. Disease occurred whole year round but focuses on months of 12, 1, 2, 4, 5 and 8.

Keywords: *Can Tho city, foot and mouth disease, infection rate, pig, vaccination.*

Title: *Situation of foot and mouth disease in pigs in Can Tho city from 2006 to 2009.*

TÓM TẮT

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong 4 năm từ năm 2006- 2009 tỉ lệ tiêm phòng bệnh LMLM trên heo thấp, bình quân là 40,75%, tỉ lệ tiêm phòng năm 2006 là 46,73%, năm 2007 là 58,05%, năm 2008 là 27,65%, năm 2009 là 30,55%. Tình hình dịch bệnh LMLM trên heo trong 4 năm 2006- 2009 giảm đáng kể, dịch bệnh chỉ xảy ra trong 2 năm 2006 – 2007, tỉ lệ mắc bệnh trung bình trong 2 năm là 0,56%, cao nhất là năm 2006 (0,85%), 2007 (0,27%), năm 2008 và 2009 không có không có ca dịch LMLM nào xảy ra. Tỉ lệ gây chết trung bình qua 2 năm 2006 – 2007 là 6,87%, chỉ có năm 2006 là có số ca chết do LMLM xảy ra trên heo (13,73%), trong đó Bình Thủy là quận có số ca chết cao nhất (22,68%), thấp nhất là quận Ô Môn (2,50%). Dịch bệnh LMLM xảy ra quanh năm nhưng thường phát bệnh vào các tháng 12, 1, 2, 4, 5, 8.

Từ khóa: *Cần Thơ, bệnh lở mồm long móng, heo, tỉ lệ bệnh, tiêm phòng vaccine*

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh lở mồm long móng (LMLM, FMD Foot and Mouth Disease) là một trong những bệnh gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia súc, đây là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho những động vật móng guốc chẵn như trâu, bò, heo, dê, cừu và những loài động vật nhai lại hoang dã... Đặc trưng của bệnh là sốt, hình thành các mụn nước và vết loét ở miệng, lưỡi, chân. Sự nguy hiểm của bệnh là sự lây lan mạnh, rất nhanh trên diện rộng cho nên Tổ chức dịch tế thế giới (OIE) đã xếp vào danh mục bảng A của bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhất ở động vật.

Bệnh không những gây thiệt hại trực tiếp cho trâu, bò, dê, heo, mà còn làm xáo trộn sinh hoạt xã hội ở những nơi có ổ dịch và làm ảnh hưởng xấu đến việc trao đổi mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông sản thực phẩm trong và ngoài nước.

Ở nước ta hiện nay, nguy cơ bùng phát dịch LMLM còn rất cao, do gia súc mắc bệnh, chết không được xử lý kịp thời, việc mua bán, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật mắc

¹ Bộ môn Thú Y, Khoa Nông nghiệp & SHƯĐ, Trường Đại học Cần Thơ

² Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang

³ Bộ môn Chăn nuôi, Khoa Nông nghiệp & SHƯĐ, Trường Đại học Cần Thơ

bệnh không được kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ tiêm phòng vắc xin đạt không cao, mầm bệnh trong môi trường không được xử lý triệt để, đây là những nguyên nhân làm phát sinh dịch bệnh.

Bệnh LMLM diễn biến phức tạp và gây ảnh hưởng không nhỏ trên địa bàn thành phố Cần Thơ vào năm 2006 và 2007. Để đánh giá lại tình hình dịch bệnh LMLM trên heo ở địa bàn thành phố Cần Thơ từ năm 2006 đến 2009 chúng tôi thực hiện đề tài “Khảo sát tình hình bệnh lở mồm long móng trên heo tại thành phố Cần Thơ từ năm 2006 đến năm 2009”.

2 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Địa điểm nghiên cứu

Đề tài thực hiện từ tháng 12/2009 đến tháng 04/2010 tại 8 quận, huyện trên địa bàn Thành phố Cần Thơ.

2.2 Nội dung nghiên cứu

Tình hình tiêm phòng bệnh LMLM trên heo ở các quận, huyện thuộc TP. Cần Thơ.

Tình hình bệnh LMLM trên heo tại các quận, huyện thuộc TP. Cần Thơ.

2.3 Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra

Tình hình chăn nuôi và bệnh LMLM được tiến hành theo phương pháp điều tra hồi cứu, số liệu thu thập từ sổ sách do Chi Cục Thú Y Thành Phố Cần Thơ lưu trữ.

2.4 Các chỉ tiêu theo dõi và cách tính

Tỉ lệ mắc bệnh (TLMB)

$$\text{TLMB} = \frac{\text{Số heo mắc bệnh khảo sát trong 1 thời gian}}{\text{Tổng đàn heo trong một thời gian đó}} \times 100$$

$$\text{Tỉ lệ chết} = \frac{\text{Số chết trong ổ dịch LMLM trong thời kỳ}}{\text{Tổng số mắc bệnh trong thời kỳ}} \times 100$$

Hệ số tháng dịch (HSTD)

$$(\text{HSTD}) = \frac{\text{Chỉ số mắc bệnh ngày/tháng (3)}}{\text{Chỉ số mắc bệnh ngày/năm (4)}}$$

$$(3) = \frac{\text{Số mới mắc của 1 tháng}}{\text{Số ngày của tháng đó (28, 29, 30, 31 ngày)}}$$

$$(4) = \frac{\text{Số mới mắc bệnh của 1 năm}}{365 \text{ ngày}}$$

Nếu tháng nào có $\text{HSTD} > 1$ được coi là tháng dịch.

2.5 Phương pháp xử lý số liệu

Xử lý số liệu bằng phần mềm Excel 2003 và phương pháp thống kê bằng phần mềm Minitab 14.0

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Tình hình tiêm phòng bệnh LMLM trên heo ở TP. Cần Thơ

Kết quả tiêm phòng bệnh LMLM trên heo ở TP. Cần Thơ từ năm 2006-2009 trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1: Kết quả tiêm phòng bệnh LMLM trên heo ở TP Cần Thơ từ năm 2006-2009.

Năm	Tổng đàn	Tiêm phòng LMLM	
		Số con tiêm	Tỉ lệ (%)
2006	167.286	78.178	46,73 ^b
2007	142.935	82.967	58,05 ^a
2008	113.647	31.425	27,65 ^d
2009	114.058	34.845	30,55 ^c

Ghi chú: a, b, c, d, sự khác biệt nhau có ý nghĩa thống kê trong cùng một cột.

Hàng năm, Chi Cục Thú Y thành phố Cần Thơ đều tổ chức tiêm phòng vắc xin LMLM cho đàn heo theo định kỳ mỗi năm 2 đợt vào khoảng tháng 3 và tháng 10. Số liệu Bảng 1 cho thấy tỉ lệ tiêm phòng LMLM trên heo toàn thành phố những năm qua đạt tỉ lệ thấp, bình quân 4 năm là 40,75%, tỉ lệ này không có khả năng bảo hộ phòng bệnh. Tỉ lệ tiêm phòng còn thấp có thể do nhiều nguyên do như qui mô chăn nuôi heo nhỏ lẻ còn phổ biến và người chăn nuôi chưa nhận định sâu sắc về sự nguy hiểm của dịch LMLM, nên chủ quan trong công tác tiêm phòng. Giá vắc xin còn cao lại chưa hỗ trợ hoàn toàn cho người chăn nuôi. Chi phí cho một mũi tiêm phòng LMLM trung bình là 7.500 đồng/liều/heo làm cho một số lớn người chăn nuôi chưa chấp nhận. Với kết quả tiêm phòng còn thấp như năm 2008- 2009 thì nguy cơ tiềm ẩn cho sự bùng phát dịch bệnh LMLM là rất lớn.

3.2 Tỉ lệ mắc bệnh LMLM trên heo từ năm 2006- 2009

Tình hình bệnh LMLM trên heo từ năm 2006- 2009 của Thành Phố Cần Thơ được thể hiện qua Bảng 2.

Kết quả ở Bảng 5 cho chúng ta thấy tỉ lệ heo mắc bệnh giữa các quận, huyện trong một năm và qua các năm trong thành phố rất khác nhau. Tỉ lệ mắc bệnh cao nhất là năm 2006 dịch LMLM nở ra tương đối lớn trên địa bàn Thành Phố Cần Thơ với 1.428 con mắc bệnh (0,85%) xảy ra ở tất cả các quận, năm 2007 là 0,27%, thấp nhất là năm 2008 và 2009 không có ca nào mắc bệnh.

Năm 2006, quận Ninh Kiều có số heo mắc cao nhất 7,71% (dù tổng đàn thấp nhất), kế đến là quận Bình Thủy (3,13%). Ở địa bàn quận Ninh Kiều có lò giết mổ tập trung, là nơi nguy cơ tồn trữ mầm bệnh cao, đây còn là đầu mối tiêu thụ sản phẩm động vật lớn của nhiều tỉnh ĐBSCL, nếu việc kiểm soát vận chuyển, mua bán sản phẩm động vật chưa được chặt chẽ, xử lý gia súc bệnh, xử lý mầm bệnh chưa được triệt để thì nguy cơ bùng phát dịch bệnh ở đây là rất lớn.

Bảng 2: Tỷ lệ mắc bệnh LMLM trên heo tại thành phố Cần Thơ từ năm 2006-2009.

Năm	2006		2007		2008		2009		Tỷ lệ mắc bệnh TB từ năm 2006-2007
Quận, huyện	Số mắc bệnh	Tỷ lệ bệnh (%)	Số mắc bệnh	Tỷ lệ bệnh (%)	Số mắc bệnh	Tỷ lệ bệnh (%)	Số mắc bệnh	Tỷ lệ bệnh (%)	
Ninh Kiều	450	7,71 ^a	31	0,65 ^b	0	0,00	0	0,00	4,18
Ô môn	40	0,17 ^c	8	0,04 ^d	0	0,00	0	0,00	0,11
Bình Thủy	441	3,13 ^b	250	2,74 ^a	0	0,00	0	0,00	2,94
Cái Răng	77	1,16 ^c	6	0,11 ^c	0	0,00	0	0,00	0,64
Thốt Nốt	324	1,12 ^c	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0,56
Vĩnh Thạnh	31	0,09 ^f	7	0,02 ^e	0	0,00	0	0,00	0,06
Cờ Đỏ	30	0,08 ^f	4	0,01 ^e	0	0,00	0	0,00	0,05
Phong Điền	35	0,21 ^d	83	0,62 ^b	0	0,00	0	0,00	0,42
Tổng cộng	1,428	0,85	389	0,27	0	0,00	0	0,00	0,56

Ghi chú: a, b, c, d, e, f: sự khác biệt nhau có ý nghĩa thống kê cùng một cột.

3.3 Tỷ lệ tử vong trên heo mắc bệnh LMLM tại TP Cần Thơ từ năm 2006- 2009

Tỷ lệ chết trên đàn heo mắc bệnh LMLM tại thành phố Cần Thơ từ năm 2006 đến năm 2009 trình bày trong Bảng 3.

Kết quả Bảng 3 cho thấy tỷ lệ heo chết trong các ổ dịch LMLM ngày càng giảm, năm 2006 là năm dịch, số ca chết trên cả 8 quận, huyện là 13,73%, năm 2007 thì bệnh xảy ra lẻ tẻ ở 7/8 quận, huyện nhưng không có ca nào chết (do phát hiện và xử lý kịp thời); năm 2008 và 2009 bệnh LMLM không ca bệnh LMLM xảy ra. Tỷ lệ chết trung bình trong 2 năm 2006- 2007 là 6,87%. Từ năm 2008 đến nay không phát hiện ca bệnh.

Bảng 3: Tỷ lệ chết trên đàn heo mắc bệnh LMLM tại Thành Phố Cần Thơ từ năm 2006 đến năm 2009.

Năm	2006			2007		2008		2009		Tỷ lệ chết TB từ năm 2006 - 2007
Quận, huyện	Số mắc bệnh	Số chết	Tỷ lệ chết (%)	Số mắc bệnh	Số chết	Tỷ lệ chết (%)	Số mắc bệnh	Tỷ lệ chết (%)	Số mắc bệnh	Tỷ lệ chết (%)
Ninh Kiều	450	48	10,67	31	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Ô môn	40	1	2,50	8	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Bình Thủy	441	100	22,68	250	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Cái Răng	77	9	11,69	6	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Thốt Nốt	324	29	8,95	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Vĩnh Thạnh	31	4	12,90	7	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Cờ Đỏ	30	1	3,33	4	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Phong Điền	35	4	11,43	83	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Tổng cộng	1.428	196	13,73	389	0	0,00	0	0,00	0	0,00

3.4 Thời điểm phát dịch

Chỉ tiêu về hệ số tháng dịch (HSTD) ở Bảng 4 dưới đây phản ánh cụ thể thời điểm phát dịch LMLM trên heo tại thành phố Cần Thơ qua từng tháng trong năm 2006.

Bảng 4: Tình hình bệnh LMLM trên heo ở TP Cần Thơ trong năm 2006

Tháng	Số heo mắc bệnh từng tháng trong năm 2006												Tổng cộng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Quận, huyện													
Ninh Kiều	55	112	61	93	45	22	6	0	1	46	7	0	448
Ô môn	0	3	0	0	0	0	0	14	2	3	0	18	40
Bình Thủy	48	58	46	72	124	22	0	13	5	0	0	20	408
Cái Răng	16	0	0	0	43	9	17	3	0	13	9	1	111
Thốt Nốt	72	9	0	27	19	0	0	40	6	0	0	151	324
Vĩnh Thạnh	22	4	0	0	0	6	0	0	0	0	0	0	32
Cờ Đỏ	13	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	30
Phong Điền	4	21	0	0	0	0	0	1	0	0	0	9	35
TSMB	230	218	107	192	231	59	23	71	14	62	16	205	1.428
HSTD	1,90	1,99	0,88	1,64	1,90	0,50	0,19	0,59	0,12	0,51	0,14	1,69	

TSMB: Tổng số mắc bệnh

HSTD: Hệ số tháng dịch

Bảng 4 cho thấy các tháng 12, 1, 2, 4, 5 là những tháng có hệ số tháng dịch >1 nên được coi là tháng dịch, cao nhất là tháng 2 (HSTD = 1,99).

Bảng 5 cho thấy các tháng 1, 2, 8 là những tháng có hệ số tháng dịch >1 nên được coi là tháng dịch, cao nhất là tháng 1 (HSTD = 5,19).

Kết quả Bảng 4 và Bảng 5 cho thấy các tháng dịch này liên nhau tạo thành mùa dịch, thường tập trung vào tháng 2. Theo Phạm Sĩ Lăng (2006) bệnh có thể lây nhiễm quanh năm, nhưng các ổ dịch thường xuất hiện nhiều vào cuối mùa xuân và đầu mùa hè, từ tháng 2 đến tháng 4 dương lịch.

Bảng 5: Tình hình bệnh LMLM trên heo ở TP. Cần Thơ trong năm 2007

Tháng	Số heo mắc bệnh từng tháng trong năm 2007												Tổng cộng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
Quận, huyện													
Ninh Kiều	0	6	7	0	0	0	0	18	0	0	0	0	31
Ô môn	0	0	2	0	0	0	0	6	0	0	0	0	8
Bình Thủy	163	42	0	8	0	0	0	37	0	0	0	0	250
Cái Răng	0	0	0	0	0	0	0	6	0	0	0	0	6
Thốt Nốt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Vĩnh Thạnh	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7
Cờ Đỏ	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	4
Phong Điền	0	0	0	0	0	0	0	80	0	0	0	0	80
TSMB	170	48	9	8	0	0	0	151	0	0	0	0	386
HSTD	5,19	1,62	0,27	0,25	0,00	0,00	0,00	4,61	0,00	0,00	0,00	0,00	

TSMB: Tổng số mắc bệnh

HSTD: Hệ số tháng dịch

Ở thành phố Cần Thơ thời gian này là cuối mùa nắng, sự xuất hiện dịch thường vào những tháng giao mùa từ lạnh sang nóng ẩm, nhiệt độ thay đổi đột ngột, nắng nóng kéo dài xen kẽ những đám mưa đầu mùa (tháng 4, 5) làm giảm sức đề kháng của heo. Ngoài ra, các yếu tố

khác như việc vận chuyển, trao đổi, buôn bán diễn ra nhiều trong những tháng cuối năm cũng là một trong những nguyên nhân chính làm lây lan dịch bệnh.

Vì thế dịch bệnh LMLM trên heo ở thành phố Cần Thơ xảy ra quanh năm, thường tập trung vào các tháng 12, 1, 2, 4, 5, 8.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1 Kết luận

Từ các kết quả về Tình hình bệnh lở mồm long móng trên heo tại thành phố Cần Thơ từ năm 2006 đến năm 2009, chúng tôi rút ra một số kết luận như sau:

Tỉ lệ tiêm phòng LMLM trên đàn heo tại Thành Phố Cần Thơ từ năm 2006- 2009 chưa cao (<41%), nên nguy cơ tiềm ẩn cho sự bùng phát dịch bệnh LMLM là rất lớn.

Sau năm 2006 có xảy ra dịch trên toàn thành phố, năm 2007 bệnh LMLM chỉ xảy ra lẻ tẻ và trong 2 năm 2008- 2009 dịch LMLM không xảy ra trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Đây là bước đầu thành công trong việc khống chế và thanh toán dịch bệnh LMLM.

Dịch bệnh LMLM thường xảy ra nhiều vào các tháng 12, 1, 2, 4, 5, 8.

4.2 Đề nghị

Cần tăng cường công tác tiêm phòng, kiểm dịch động vật và kiểm soát giết mổ tại các nơi trọng điểm và các đầu mối giao thông chính của TP. Cần Thơ.

Đồng thời đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động và giải thích người dân hiểu rõ hơn về sự nguy hiểm của bệnh LMLM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Cục Thú Y, 1983, 1985, 1989, 1992- 2002. Tài liệu lưu trữ "Báo cáo về tình hình bệnh LMLM"

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2006. Quy định về phòng chống bệnh lở mồm long móng gia súc.

Bùi Quang Anh, Hoàng Văn Nam, 2001. Tình hình bệnh LMLM tại Đông Nam Á và thế giới 2000. Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y Việt Nam, tập VIII.

Bùi Quang Anh, 2007. Nguyên nhân xảy ra dịch LMLM và các biện pháp phòng chống dịch trong thời gian tới. Tạp chí khoa học kỹ thuật thú y Việt Nam, tập XIV, pp 89- 92.

Donaldson, 2000. Bệnh lý học và dịch tễ học bệnh LMLM (Tổ Long Thành dịch, 2000). Tạp chí Khoa học kỹ thuật. Hội thú y Việt Nam, tập VII, pp 43- 47.

Nguyễn Tiến Dũng, 2000. Bệnh lở mồm long móng. Tạp chí khoa học kỹ thuật Hội thú y Việt Nam, tập VII, pp 8- 16.

Phạm Sĩ Lăng, 2006. Các bệnh truyền nhiễm thường gặp ở lợn và biện pháp phòng trị, Nhà xuất bản nông nghiệp, pp 46- 53.

Thái Thị Thủy Phương, 2000. Bước đầu khảo sát một số đặc điểm dịch tễ học và biện pháp khống chế bệnh LMLM ở heo tại các tỉnh Tiền Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long. Luận án thạc sĩ Khoa học nông nghiệp. Đại học Nông lâm Thành Phố. Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

C.J. Morrissey, G. Meehan, B. Van Der Heide, L. Wright, W. Goff, L.J. Gleeson and P.W. Daniels, 2006. Foot and Mouth Disease Diagnostics and Preparedness.